



LỊCH THI GIỮA HỌC KÌ I

NĂM HỌC 2022-2023

THỜI GIAN	TIẾT	MÔN THI	THỜI GIAN
Thứ 2 31/10/2022	2	Giáo dục công dân	45 phút
	3	Công nghệ	45 phút
Thứ 3 01/11/2022	2	Lịch sử 8, 9 Lịch sử - Địa lý 6, 7	45 phút 60 phút
	3	Địa lý 8, 9	45 phút
Thứ 4 02/11/2022	2	Sinh học 8, 9 Khoa học tự nhiên 6, 7	45 phút 60 phút
	3	Vật lý 8, 9	45 phút
Thứ 5 03/11/2022	2	Hóa học 8, 9 Tin học 6, 7	45 phút 45 phút
	3	Tiếng Anh	60 phút
Thứ 6 04/11/2022	1+2	Ngữ Văn	90 phút
Thứ 7 05/11/2022	1+2	Toán học	90 phút

Môn: TOÁN HỌC

I, ĐẠI SỐ.

DẠNG 1: PHÉP NHÂN ĐA THỨC:

BÀI 1: Thực hiện phép tính:

- | | |
|-----------------------------------|--------------------------|
| a) $(3xy - x^2 + y^3) \cdot xy$ | d) $5x \cdot (2x^3 + 1)$ |
| b) $(x + 3) \cdot (2x^2 - x + 5)$ | e) $(3x + 2y)(2y - 3x)$ |
| c) $3x(x^2 - 2y)$ | g) $(2x - 3)(3x + 2)$ |

BÀI 2: Thực hiện phép tính:

- | | |
|--------------------------------|----------------------------|
| a) $3xy \cdot (x^2 - 5xy + 1)$ | c) $(x + 3)(x^2 - 3x + 7)$ |
| b) $(x^2 - 2x + 1)(x - 5)$ | d) $(x - 4)(x^2 + 2x - 6)$ |

DẠNG 2: PHÂN TÍCH ĐA THỨC THÀNH NHÂN TỬ

BÀI 1: Phân tích các đa thức sau thành nhân tử:

- | | |
|----------------------------|-----------------------------|
| a) $15x + 25y$ | d) $5x(3 - 2x) - 7(2x - 3)$ |
| b) $11x + 11y - x^2 - xy$ | e) $x^2 + 4x + 3$ |
| c) $x^2 - 16 - 4xy + 4y^2$ | g) $x^3 - 27 + 3x(x - 3)$ |

BÀI 2: Phân tích các đa thức sau thành nhân tử:

- | | |
|---------------------------|----------------------------|
| a) $14x^2y - 21xy^2$ | c) $x^2 - 25 + 6xy + 9y^2$ |
| b) $3x^2 + 5y - 3xy - 5x$ | d) $x^2 - 8x - 9$ |

BÀI 3: Phân tích các đa thức sau thành nhân tử:

- | | |
|-------------------|-----------------------------|
| a) $3x + 3y$ | d) $x^3 - 4x^2 + 4x$ |
| b) $6x^2 + 8xy$ | e) $5x(3 - 4x) - 7(4x - 3)$ |
| c) $x^2 - 4x + 4$ | g) $x^3 + 12x^2 + 48x + 64$ |

BÀI 4: Phân tích các đa thức sau thành nhân tử:

- | | |
|-------------------------|--|
| a) $xy - xz + 3y - 3z$ | d) $x^2 - 2xy + y^2 - z^2 + 2zt - t^2$ |
| b) $7x + 7y - x^2 - xy$ | e) $x^2 - 5x + 6$ |
| c) $x^2 - 25 - 4x + 4$ | g) $x^2 + 5x + 4$ |

DẠNG 3: TÍNH GIÁ TRỊ BIỂU THỨC.

BÀI 1: Tính giá trị của biểu thức:

- | | |
|------------------------------------|--|
| a) $A = x^2 + 6x + 9$ tại $x = 97$ | b) $B = 2x(x - 3) - 2x^2$ tại $x = 1$ và $y = 2$. |
|------------------------------------|--|

BÀI 2: Tính giá trị của biểu thức:

- | | |
|---|--|
| a) $A = x^3 + 3x^2 + 3x + 1$ tại $x = 99$ | b) $B = y(y - 3) + x(x + 3) - 2xy$ tại $x - y = 5$ |
|---|--|

DẠNG 4: TÌM X.

BÀI 1: Tìm x, biết:

- | | |
|---------------------------------|----------------------------------|
| a) $3x(x + 2) - 7(x + 2) = 0$ | d) $(x - 4)^2 - x(x - 3) = 30$ |
| b) $(2x - 3)^2 - (x + 5)^2 = 0$ | e) $x \cdot (x - 3) - x + 3 = 0$ |
| c) $2(x + 3) - 4x(x + 3) = 0$ | g) $3x(x - 2) - 7(2 - x) = 0$ |

BÀI 2: Tìm x, biết:

- | | |
|----------------------------------|---------------------------------|
| a) $2x^2 - 10x = 0$ | d) $(3x - 5)^2 - (x + 2)^2 = 0$ |
| b) $5x(x - 2022) - x + 2022 = 0$ | e) $x^2 - 8x + 16 = 0$ |
| c) $x(x - 2) - 3x + 6 = 0$ | g) $3x(x + 2) - 5x - 10 = 0$ |

BÀI 3: Tìm x, biết:

- | | |
|---------------------------------|-------------------------------------|
| a) $2x^2 - 6x = 0$ | d) $(2x - 3)^2 - (x + 5)^2 = 0$ |
| b) $7x(x - 3) - x + 3 = 0$ | e) $(x + 2)^2 - (x - 2)(x + 2) = 0$ |
| c) $(2x - 1)^2 - (x + 3)^2 = 0$ | g) $x(x + 2) + x + 2 = 0$ |

BÀI TẬP NÂNG CAO

BÀI 1: Cho biểu thức $P = m^2 - 4mn + 5n^2 + 10m - 22n + 32$.

Tìm giá trị của m và n để biểu thức P đạt giá trị nhỏ nhất. Tìm giá trị nhỏ nhất đó?

BÀI 2: Tìm cặp số nguyên x, y biết $2xy - y + 6x - 11$

BÀI 3: Cho $a \in \mathbb{Z}$ chứng minh rằng:

$A = (a + 1)(a + 2)(a + 3)(a + 4) + 1$ là bình phương của một số nguyên.

II, HÌNH HỌC.

BÀI 1: Cho tam giác ABC vuông tại A, đường cao AH. Gọi D, E theo thứ tự là chân đường vuông góc kẻ từ H đến AB, AC.

a, Chứng minh rằng $AH = DE$.

b, Gọi I, K theo thứ tự là trung điểm của HB và HC. Chứng minh rằng tứ giác DIKE là hình thang vuông.

BÀI 2: Cho tam giác ABC ($AB < AC$), đường cao AH. Gọi D, E, F lần lượt là trung điểm của các cạnh AB, AC, BC.

a) Chứng minh tứ giác BDEF là hình bình hành.

b) Chứng minh tứ giác EFHD là hình thang cân.

c) Biết số đo $\hat{B} = 60^\circ$. Hãy tính các góc của tứ giác EFHD.

BÀI 3: Cho tam giác MNP vuông tại M ($MN < MP$), đường cao MH. Từ H kẻ HI, HF lần lượt vuông góc với MN và MP (I thuộc MN, F thuộc MP)

a) Chứng minh $MH = FI$

b) Trên đoạn MP lấy điểm K sao cho $MF = FK$. Tứ giác HIFK là hình gì?

c) Gọi O là giao điểm của MH và FI, gọi G là giao điểm của HF và IK. Chứng minh tứ giác IOGH là hình thang vuông.

BÀI 4: Cho hình bình hành ABCD. Gọi E là trung điểm của cạnh AB, F là trung điểm của cạnh CD.

a) Chứng minh tứ giác AECF là hình bình hành

b) Chứng minh $DE \parallel BF$

c) DE cắt AC ở I, BF cắt AC ở K. Chứng minh $AI = IK = KC$.

BÀI 5: Cho tam giác ABC, từ điểm N trên cạnh BC kẻ các đường thẳng NE, NF lần lượt song song với AB, AC ($E \in AC, F \in AB$). Gọi M là trung điểm của AE, H là trung điểm của BN, I là giao điểm của AN và HM.

a) Chứng minh tứ giác AENF là hình bình hành

b) Chứng minh 3 điểm E, I, F thẳng hàng.

ĐỀ I

Bài 1: (2,0 điểm): Phân tích các đa thức sau thành nhân tử:

a) $14x^2y - 21xy^2$

b) $3x^2 + 5y - 3xy - 5x$

c) $x^3 + 4x^2 + x - 6$

Bài 2: (2,0 điểm): Thực hiện phép tính

a) $x^2(5x^3 - x^2 - 6)$

b) $(x^2 - 2xy + y^2)(x - y)$

c) $(2x + 5)(6x^2 - 13x - 5)$

Bài 3 (2,0 điểm) Tìm x, biết

a) $\frac{7}{8}x(x^2 - 4) = 0$

b) $(2x - 3)^2 = (x + 5)^2$

Bài 4 (3,5 điểm): Cho tam giác MNP vuông tại M ($MN < MP$), đường cao MH. Từ H kẻ HI, HF lần lượt vuông góc với MN và MP (I thuộc MN, F thuộc MP)

a) Chứng minh $MH = FI$

b) Trên đoạn MP lấy điểm K sao cho $MF = FK$. Tứ giác HIFK là hình gì?

c) Gọi O là giao điểm của MH và FI, gọi G là giao điểm của HF và IK. Chứng minh tứ giác IOGH là hình thang vuông.

Bài 5 (0,5 điểm): Cho $a^2 + b^2 = 1, c^2 + d^2 = 1, ac + bd = 0$. Tính $ab + cd$

ĐỀ II

Bài 1: (2,0 điểm): Phân tích các đa thức sau thành nhân tử:

a) $2x + 4y$

b) $x^2 + 2xy + y^2 - 1$

c) $x^2 + 4x + 3$

Bài 2: (2,0 điểm): Thực hiện phép tính:

a) $5x^2y^3(x^2y - 3xy^2)$

b) $(x - 4)(5x^3 - x^2 - 3)$

c) $(x - 2)(x^2 + 2x + 4)$

Bài 3 (2,0 điểm): Tìm x, biết:

a) $3x^2 - 6x = 0$

b) $5x(x - 3) - x + 3 = 0$

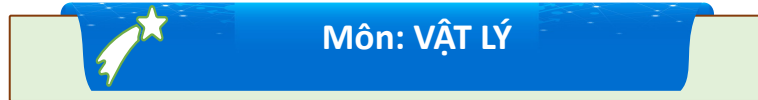
c) $(2x - 1)^2 - (x + 3)^2 = 0$

Bài 4 (3,5 điểm): Cho hình bình hành ABCD. Gọi E là trung điểm của cạnh AB, F là trung điểm của cạnh CD.

- Chứng minh tứ giác AECF là hình bình hành
- Chứng minh $DE \parallel BF$
- DE cắt AC ở I, BF cắt AC ở K. Chứng minh $AI = IK = KC$.

Bài 5: (0,5 điểm): Cho ba số a, b, c là các số dương thỏa mãn $a^3 + b^3 + c^3 = 3abc$. Tính giá trị của biểu

thức: $P = \left(\frac{a}{b} - 1\right) + \left(\frac{b}{c} - 1\right) + \left(\frac{c}{a} - 1\right)$



I. Giới hạn ôn tập

- Thế nào là chuyển động cơ học? Tại sao nói chuyển động hay đứng yên chỉ có tính tương đối? Cho ví dụ?
- Độ lớn của vận tốc đặc trưng cho tính chất nào của chuyển động? Công thức và đơn vị vận tốc? Công thức tính vận tốc trung bình của chuyển động không đều?
- Nêu các đặc điểm của lực và cách biểu diễn lực bằng vectơ?
- Thế nào là hai lực cân bằng? Tác dụng của hai lực cân bằng?
- Kể tên các loại lực ma sát? Lực ma sát xuất hiện khi nào? Nêu cách giảm ma sát?
- Nêu ví dụ chứng tỏ vật có quán tính?
- Tác dụng của áp lực phụ thuộc vào những yếu tố nào? Định nghĩa, công thức, đơn vị áp suất. Nêu cách tăng, giảm áp suất, cho ví dụ?

II. Luyện tập

Câu 1: Có một ô tô đang chạy trên đường. Trong các câu mô tả sau, câu nào **không đúng**?

- Ô tô chuyển động so với mặt đường.
- Ô tô chuyển động so với người lái xe.
- Ô tô đứng yên so với người lái xe.
- Ô tô chuyển động so với cây bên đường.

Câu 2: Trong các hiện tượng nào sau đây thì ma sát là có hại?

- Phải bôi nhựa thông vào dây cung ở cần kéo nhị (đàn cò).
- Khi đi trên sàn đá hoa ướt dễ bị ngã.
- Giày đi mãi dễ bị mòn.
- Ô tô bị sa lầy khi đi vào bùn.

Câu 3: Hành khách đang ngồi trên ô tô đang chạy trên đường bỗng bị nghiêng sang trái chứng tỏ ô tô đang:

- Đột ngột giảm vận tốc
- Đột ngột tăng vận tốc
- Đột ngột rẽ trái
- Đột ngột rẽ phải

Câu 4: Áp lực là

- Lực có phương song song với mặt nào đó.
- Lực ép vuông góc với mặt bị ép.
- Lực kéo vuông góc với mặt bị kéo.
- Lực ép trên một đơn vị diện tích.

Câu 5: Đơn vị đo áp suất là

- N/m^3 .
- Pa/m^2 .
- $N.m^2$.
- Pa.

Câu 6: Khi nói Trái Đất quay quanh Mặt Trời, ta chọn vật nào làm mốc?

- Trái Đất.
- Mặt Trời.
- Một vật gắn liền với Trái Đất.
- Cả A và B đều được.

Câu 7: Đưa một vật nặng hình trụ lên cao bằng hai cách, hoặc là lăn vật trên mặt phẳng nghiêng hoặc là kéo vật trượt trên mặt phẳng nghiêng. Cách nào lực ma sát nhỏ hơn?

- Lăn vật
- Kéo vật
- Cả hai cách như nhau
- Không so sánh được

Câu 8: Một người đi xe đạp trong 2h với vận tốc trung bình là 12 km/h. Quãng đường người đó đi được là

A. 2 km

B. 6 km

C. 12 km

D. 24 km.

Câu 9: Trong các cách tăng, giảm áp suất sau đây, cách nào **không đúng**?

A. Muốn tăng áp suất thì tăng áp lực, giảm diện tích bị ép.

B. Muốn tăng áp suất thì giảm áp lực, tăng diện tích bị ép.

C. Muốn giảm áp suất thì phải giảm áp lực, giữ nguyên diện tích bị ép.

D. Muốn giảm áp suất thì giữ nguyên áp lực, tăng diện tích bị ép.

Câu 10: Khi người đứng trên mặt sàn nằm ngang, áp lực do người tác dụng lên mặt sàn bằng trọng lượng của người $P = 500 \text{ N}$. Cho biết diện tích tiếp xúc của chân người này với mặt sàn là $0,025 \text{ m}^2$. Áp suất do người này tác dụng lên mặt sàn là

A. 2000 Pa.

B. 20000 N/m³.

C. 20000 Pa.

D. 12,5 Pa.

Câu 5: Một người đi xe đạp trong 30 phút với vận tốc trung bình là 12 km/h. Quãng đường người đó đi được là

A. 2 km

B. 6 km

C. 12 km

D. 24 km.

Câu 6: Chuyển động của phân tử hiđro ở 0°C có vận tốc 1692 m/s, của vệ tinh nhân tạo của Trái Đất có vận tốc 28800 km/h. Hỏi chuyển động nào nhanh hơn?

A. Chuyển động của phân tử hiđro nhanh hơn.

B. Chuyển động của vệ tinh nhân tạo của Trái Đất nhanh hơn.

C. Hai chuyển động bằng nhau.

D. Tất cả đều sai.

Câu 7: Máy bay bay với vận tốc 800 km/h từ Hà Nội đến Thành phố Hồ Chí Minh. Nếu đường bay Hà Nội – Hồ Chí Minh dài 1400 km thì máy bay phải bay trong bao nhiêu lâu?

A. 1 giờ 20 phút

B. 1 giờ 30 phút

C. 1 giờ 45 phút

D. 2 giờ

Câu 8: Dụng cụ để xác định sự nhanh chậm của chuyển động của một vật gọi là

A. vôn kế

B. nhiệt kế

C. tốc kế.

D. ampe kế.

Câu 9: Khi nói đến vận tốc của các phương tiện giao thông như xe máy, ô tô, xe lửa, máy bay... người ta nói đến

A. vận tốc tức thời.

B. vận tốc trung bình.

C. vận tốc lớn nhất có thể đạt được của phương tiện đó.

D. vận tốc nhỏ nhất có thể đạt được của phương tiện đó.

Câu 10: Trong các chuyển động sau, chuyển động nào là đều

A. Chuyển động của quả dừa rơi từ trên cây xuống

B. Chuyển động của Mặt trăng quanh Trái đất

C. Chuyển động của đầu cách quạt khi đã ổn định

D. Chuyển động của xe buýt từ Cầu Giấy đến Giáp Bát

Câu 11: Hưng đạp xe lên dốc dài 100m với vận tốc 2m/s, sau đó xuống dốc dài 140m hết 30s. Hỏi vận tốc trung bình của Hưng trên cả đoạn đường dốc?

A. 50m/s

B. 8m/s

C. 4,67m/s

D. 3m/s

Câu 12: Một người đi xe máy trên đoạn đường ABC. Biết trên đoạn đường AB người đó đi với vận tốc 16km/h, trong thời gian $t_1 = 15$ phút; trên đoạn đường BC người đó đi với vận tốc 24km/h, trong thời gian $t_2 = 25$ phút. Vận tốc trung bình của người đó trên đoạn đường ABC là:

A. 18km/h

B. 20km/h

C. 21km/h

D. 22km/h

Câu 13: Sử dụng cụm từ thích hợp để điền vào chỗ trống: là nguyên nhân làm thay đổi vận tốc của chuyển động.

A. Vector

B. Thay đổi

C. Vận tốc

D. Lực

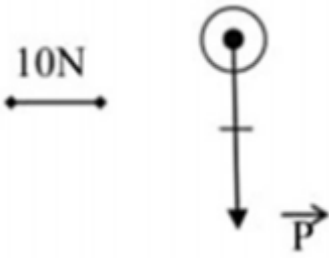
Câu 14: Câu nào mô tả đầy đủ các yếu tố trọng lực của vật?

A. Điểm đặt trên vật, phương thẳng đứng, chiều từ trên xuống dưới, độ lớn 20N.

B. Điểm đặt trên vật, hướng thẳng đứng, độ lớn 20N.

C. Điểm đặt trên vật, phương từ trên xuống dưới, độ lớn 20N.

D. Điểm đặt trên vật, chiều thẳng đứng, độ lớn 20N.



Câu 15: Trường hợp nào dưới đây cho ta biết khi chịu tác dụng của lực vật vừa bị biến dạng vừa bị biến đổi chuyển động?

- A. Ép một lò xo đàn hồi
- B. Sau khi đập vào mặt vợt quả bóng tennis bị bật ngược trở lại.
- C. Một vật đang rơi từ trên cao xuống.
- D. Khi hãm phanh xe đạp chạy chậm dần.

Câu 16: Muốn biểu diễn một vectơ lực chúng ta cần phải biết các yếu tố:

- A. Phương, chiều
- B. Điểm đặt, phương, chiều.
- C. Điểm đặt, phương, độ lớn.
- D. Điểm đặt, phương, chiều, độ lớn.

Câu 17: Trong các hiện tượng nào sau đây thì ma sát là có hại?

- A. Phải bôi nhựa thông vào dây cung ở cần kéo nhị(đàn cò).
- B. Khi đi trên sàn đá hoa ướt dễ bị ngã.
- C. Giày đi mãi để bị mòn.
- D. Ô tô bị sa lầy khi đi vào bùn.

Câu 18: Một ô tô đang chuyển động trên mặt đường, lực tương tác giữa bánh xe với mặt đường là

- A. ma sát trượt B. ma sát nghỉ
- C. ma sát lăn D. lực quán tính

Câu 19: Một xe máy chuyển động đều, lực kéo của động cơ là 500N. Độ lớn của lực ma sát là

- A. 500N
- B. Lớn hơn 500N
- C. Nhỏ hơn 500N
- D. Chưa thể tính được

Câu 20: Đưa một vật nặng hình trụ lên cao bằng hai cách, hoặc là lăn vật trên mặt phẳng nghiêng hoặc là kéo vật trượt trên mặt phẳng nghiêng. Cách nào lực ma sát nhỏ hơn?

- A. Lăn vật C. Cả hai cách như nhau
- B. Kéo vật. D. Không so sánh được

Câu 21: Trong các hiện tượng nào sau đây thì ma sát là có hại?

- A. Phải bôi nhựa thông vào dây cung ở cần kéo nhị(đàn cò).
- B. Khi đi trên sàn đá hoa ướt dễ bị ngã.
- C. Giày đi mãi để bị mòn.
- D. Ô tô bị sa lầy khi đi vào bùn.

Câu 22: Hành khách đang ngồi trên ô tô đang chạy trên đường bỗng bị nghiêng sang trái chứng tỏ ô tô đang:

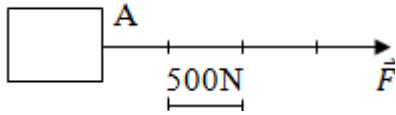
- A. Đột ngột giảm vận tốc C. Đột ngột rẽ trái
- B. Đột ngột tăng vận tốc D. Đột ngột rẽ phải

Câu 23: Khi có lực tác dụng, mọi vật đều không thể thay đổi vận tốc đột ngột được vì mọi vật đều có

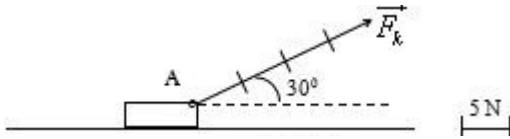
- A. ma sát B. trọng lực C. quán tính D. đàn hồi

Câu 24:

- a. Diễn tả các yếu tố của lực tác dụng lên vật



Hình 1



Hình 2

Câu 25: Một ô tô đang đứng yên trên đường.

- Biểu diễn các lực tác dụng lên ô tô.
- Ô tô chuyển động thẳng đều trên đường khi lực kéo của động cơ ô tô là 800 N. Biểu diễn các lực tác dụng lên ô tô khi đó. Bỏ qua lực cản của không khí, độ lớn của lực ma sát tác dụng lên các bánh xe là bao nhiêu?

Câu 26: Một người đi bộ trên 1 đoạn đường bằng phẳng dài 8 km hết thời gian 30 phút, sau đó lên dốc 10 phút với vận tốc 3 km/h. Tính

- Vận tốc của ô tô trên đoạn đường bằng phẳng là bao nhiêu? Tính ra đơn vị km/h và m/s.
- Vận tốc trung bình của ô tô đi trên 2 đoạn đường.

Câu 27: Một người đi xe đạp đã đi 4 km đầu với tốc độ $v_1 = 10$ km/h, sau đó người ấy dừng lại để sửa xe trong 30 phút, rồi đi tiếp 8 km với tốc độ đều là 6 km/h. Tính vận tốc trung bình của người đó trên cả chặng đường.

Câu 28: Tại sao khi đang chạy xe nhanh, chúng ta không nên phanh gấp?

Câu 29: Vì sao khi bút tắc mực, chúng ta thường vẩy mạnh, bút lại có thể viết tiếp được?

Câu 30: Một vật có khối lượng 8 kg đặt trên mặt sàn nằm ngang. Diện tích mặt tiếp xúc của vật với mặt sàn là 50 cm^2 . Tính áp suất tác dụng lên mặt sàn?

Câu 31: Biết thầy Giang có khối lượng 60 kg, diện tích một bàn chân là 30 cm^2 . Tính áp suất thầy Giang tác dụng lên sàn khi đứng cả hai chân

Câu 32: Một người tác dụng lên mặt sàn một áp suất $1,7 \cdot 10^4 \text{ N/m}^2$. Diện tích của 1 bàn chân tiếp xúc với mặt sàn là $0,03 \text{ m}^2$. Hỏi trọng lượng và khối lượng của người đó ?



***Lý thuyết trọng tâm:**

- Chất, vật thể, đơn chất, hợp chất
- Nguyên tử, phân tử
- CTHH

A. TRẮC NGHIỆM

Hãy chọn các đáp án đúng trong mỗi câu sau:

Câu 1. Trong các chất sau, chất nào là hợp chất?

- A. Muối ăn B. Hidro C. Photpho D. Oxi

Câu 2. Cho công thức hóa học của các chất sau: CaC_2 ; Cu; KOH; Br_2 ; H_2SO_4 ; AlCl_3 . Số chất là đơn chất và hợp chất:

- A. 1 đơn chất và 5 hợp chất B. 2 đơn chất và 4 hợp chất
C. 3 đơn chất và 3 hợp chất D. 4 đơn chất và 2 hợp chất

Câu 3. Một oxit có công thức Al_2O_x , phân tử khối là 102 đvC. Giá trị của x là:

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 4. Khí lưu huỳnh đioxit SO_2 nặng hay nhẹ hơn khí oxi bao nhiêu lần?

- A. Nặng hơn 2 lần. B. Nặng hơn 4 lần. C. Nhẹ hơn 2 lần. D. Nhẹ hơn 4 lần.

Câu 5. Hiện tượng nào là hiện tượng vật lí?

- A. Đập đá vôi sập vào lò nung. B. Làm sữa chua. C. Muối dưa cải. D. Sắt bị gỉ.

Câu 6. Để chỉ 3 phân tử Oxi ta viết:

- A. $3O$. B. O_3 . C. $3O_2$. D. $2O_3$.

Câu 7. Cách hợp lí nhất để tách muối từ nước biển là:

- A. Lọc B. Chưng cất
C. Bay hơi D. Để yên để muối lắng xuống gạn đi

Câu 8. Hạt nhân nguyên tử cấu tạo bởi:

- A. Proton và electron B. Notron và electron
C. Proton và notron D. Proton, notron và electron

Câu 9. Nguyên tố X có nguyên tử khối bằng 3,5 lần nguyên tử khối của oxi. X là nguyên tố nào sau đây?

- A. Ca B. Na C. K D. Fe

Câu 10. Dãy chất nào sau đây chỉ kim loại?

- A. Đồng, Bạc, Nhôm, Magie. B. Sắt, Lưu huỳnh, Cacbon, Nhôm.
C. Cacbon, Lưu huỳnh, Photpho, Oxi. D. Bạc, Oxi, Sắt, Nhôm.

Câu 11. Khí Nitơ (N_2) có phân tử khối là bao nhiêu đvC:

- A. 28 B. 14 C. 26 D. 12

Câu 12. Dãy nguyên tố hóa học nào sau đây đều là kim loại?

- A. Fe; Cu; Al B. Fe; Zn; S C. Fe; C; Al D. Fe; Cu; H

Câu 13. Vật thể nào sau đây là vật thể tự nhiên?

- A. Bút bi. B. Xe đạp. C. Biển. D. Chậu nhựa.

Câu 14. Chất tinh khiết là chất

- A. Chất lẫn ít tạp chất. B. Chất không lẫn tạp chất.
C. Chất lẫn nhiều tạp chất. D. Có tính chất thay đổi.

Câu 15. Những chất nào dưới đây là chất tinh khiết?

- (1) Natri clorua rắn (muối ăn); (2) Dung dịch natri clorua;
(3) Sữa tươi; (4) Nhôm;
(5) Nước cất; (6) Nước chanh.
A. (3), (6). B. (1), (4), (5).
C. (1), (3), (4), (5). D. (2), (3), (6).

Câu 16. Sau khi chưng cất cây sả bằng hơi nước, người ta thu được một hỗn hợp gồm lớp tinh dầu nổi trên lớp nước. Dùng cách nào để tách riêng được lớp dầu ra khỏi lớp nước?

- A. chưng cất. B. chiết. C. bay hơi. D. lọc.

Câu 17. Thành phần cấu tạo của hầu hết của các loại nguyên tử gồm:

- A. Proton và electron.
B. Notron và electron.
C. Proton và notron.
D. Proton, notron và electron.

Câu 18. Số electron trong nguyên tử Al (có số proton = 13) là:

- A. 10. B. 11. C. 12. D. 13.

Câu 19. Cho các dữ kiện sau:

- (1) Khí hiđro do nguyên tố H tạo nên;
(2) Khí canbonic do 2 nguyên tố C và O tạo nên;
(3) Khí sunfuro do 2 nguyên tố S và O tạo nên;
(4) Lưu huỳnh do nguyên tố S tạo nên.

Hãy chọn thông tin đúng:

- A. (1), (2): đơn chất. B. (1), (4): đơn chất.
C. (1), (2), (3): đơn chất. D. (2), (4): đơn chất.

Câu 20. Trong các chất sau chất nào là hợp chất?

- A. Fe. B. NO_2 . C. Ca. D. N_2 .

Câu 21. Chất thuộc đơn chất có công thức hóa học là:

- A. $KClO_3$. B. H_2O . C. H_2SO_4 . D. O_3 .

B. TỰ LUẬN

Câu 1. Nối cột A với nội dung ở cột B sao cho phù hợp.

A	B	Trả lời
1. Cồn đẽ trong lọ không kín bị bay hơi.	a. chất tinh khiết.	
2. Đốt than trong không khí.	b. 170 đvC.	
3. AgNO_3 có phân tử khối bằng	c. Hiện tượng vật lí.	
4. Nước cất là	d. Hiện tượng hóa học.	

Câu 2. Kim loại M tạo ra hiđroxit $\text{M}(\text{OH})_3$ có phân tử khối là 103 đvC.

Tính nguyên tử khối của M.

Câu 2. Nguyên tử của nguyên tố X có tổng số hạt là 40. Trong đó số hạt mang điện nhiều hơn số hạt không mang điện là 12. Xác định số hạt proton, electron và notron trong X.

Câu 3. Nêu ý nghĩa của công thức hóa học: $\text{Ca}(\text{OH})_2$, CuSO_4

(Cho NTK của các nguyên tố: $\text{Al} = 27$; $\text{O} = 16$; $\text{H} = 1$; $\text{Zn} = 65$, $\text{Fe} = 56$, $\text{S} = 32$, $\text{Na} = 23$)



I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Trong cơ thể người, ngoài hệ thần kinh và hệ nội tiết thì hệ cơ quan nào có mối liên hệ trực tiếp với các hệ cơ quan còn lại?

- A. Hệ tiêu hóa.
- B. Hệ bài tiết.
- C. Hệ tuần hoàn.
- D. Hệ hô hấp

Câu 2. Khi mất khả năng dung nạp chất dinh dưỡng, cơ thể chúng ta sẽ trở nên kiệt quệ, đồng thời khả năng vận động cũng bị ảnh hưởng nặng nề. Ví dụ trên phản ánh điều gì?

- A. Các hệ cơ quan trong cơ thể có mối liên hệ mật thiết với nhau
- B. Dinh dưỡng là thành phần thiết yếu của cơ và xương
- C. Hệ thần kinh và hệ vận động đã bị hủy hoại hoàn toàn do thiếu dinh dưỡng
- D. Tất cả các phương án đưa ra

Câu 3. Bào quan nào có vai trò điều khiển mọi hoạt động sống của tế bào ?

- A. Bộ máy Gôngi.
- B. Lục lạp.
- C. Nhân.
- D. Trung thể.

Câu 4. Trong cơ thể người, loại tế bào nào có kích thước dài nhất ?

- A. Tế bào thần kinh.
- B. Tế bào cơ vân.
- C. Tế bào xương.
- D. Tế bào da.

Câu 5. Dựa vào phân loại, hãy cho biết mô nào dưới đây không được xếp cùng nhóm với các mô còn lại?

- A. Mô máu.
- B. Mô cơ trơn.
- C. Mô xương.

- D. Mô mỡ.
- Câu 6.** Loại xương nào dưới đây được xếp vào nhóm xương dài?
- A. Xương hộp sọ.
 - B. Xương đùi.
 - C. Xương cánh chậu.
 - D. Xương đốt sống
- Câu 7.** Thành phần nào dưới đây không có trong cấu tạo của xương ngắn?
- A. Mô xương cứng.
 - B. Mô xương xốp.
 - C. Khoang xương.
 - D. Tất cả các phương án đưa ra.
- Câu 8.** Loại khớp nào dưới đây không có khả năng cử động?
- A. Khớp giữa xương đùi và xương cẳng chân.
 - B. Khớp giữa các xương hộp sọ.
 - C. Khớp giữa các đốt sống.
 - D. Khớp giữa các đốt ngón tay.
- Câu 9.** Chất khoáng chủ yếu cấu tạo nên xương người là
- A. sắt.
 - B. canxi.
 - C. photpho.
 - D. magiê.
- Câu 10.** Cơ sẽ bị đứt tối đa trong trường hợp nào dưới đây ?
- A. Mọi cơ.
 - B. Liệt cơ.
 - C. Viêm cơ.
 - D. Xơ cơ.
- Câu 11.** Trong cử động gấp cánh tay, các cơ ở hai bên cánh tay sẽ
- A. co duỗi ngẫu nhiên.
 - B. co duỗi đối kháng.
 - C. cùng co.
 - D. cùng duỗi.
- Câu 12.** Hoạt động của cơ hầu như không chịu ảnh hưởng bởi yếu tố nào sau đây ?
- A. Trạng thái thần kinh.
 - B. Màu sắc của vật cần di chuyển
 - C. Nhịp độ lao động.
 - D. Khối lượng của vật cần di chuyển
- Câu 13.** Cơ vận động lưỡi của con người phát triển hơn các loài thú là do chúng ta có khả năng
- A. nuốt.
 - B. viết.
 - C. nói.
 - D. nhai.
- Câu 14.** Trong máu, huyết tương chiếm tỉ lệ bao nhiêu về thể tích ?
- A. 75%
 - B. 60%.
 - C. 45%.
 - D. 55%.
- Câu 15.** Các tế bào máu ở người được phân chia thành mấy loại chính ?
- A. 5 loại.
 - B. 4 loại.
 - C. 3 loại.
 - D. 2 loại
- Câu 16.** Khả năng vận chuyển khí của hồng cầu có được là nhờ loại sắc tố nào?
- A. Hêmôerythrin.
 - B. Hêmôxianin.

C. Hêmôglôbin.

D. Miôglôbin

Câu 17. Ở Việt Nam, số lượng hồng cầu trung bình của nam giới là :

A. 4,4 – 4,6 triệu/ml máu.

B. 3,9 – 4,1 triệu/ml máu.

C. 5,4 – 5,6 triệu/ml máu.

D. 4,8 – 5 triệu/ml máu.

Câu 18. Loại bạch cầu nào dưới đây tham gia vào hoạt động thực bào?

A. Bạch cầu trung tính.

B. Bạch cầu limphô.

C. Bạch cầu ưa kiềm.

D. Bạch cầu ưa axit.

Câu 19. Khi được tiêm phòng vacxin thủy đậu, chúng ta sẽ không bị mắc căn bệnh này trong tương lai. Đây là dạng miễn dịch nào?

A. Miễn dịch tự nhiên .

B. Miễn dịch nhân tạo.

C. Miễn dịch tập nhiễm.

D. Miễn dịch bẩm sinh.

Câu 20. Khi chúng ta bị ong chích thì nọc độc của ong được xem là

A. chất kháng sinh.

B. kháng thể.

C. kháng nguyên.

D. prôtêin độc.

Câu 21. Phát biểu nào dưới đây là đúng?

A. Huyết thanh khi loại bỏ chất sinh tố máu thì còn lại nước mô.

B. Huyết thanh khi loại bỏ chất sinh tố máu thì còn lại huyết tương.

C. Huyết tương khi loại bỏ chất sinh tố máu thì còn lại huyết thanh.

D. Nước mô khi loại bỏ chất sinh tố máu thì còn lại huyết tương.

Câu 22. Nhóm máu nào dưới đây không tồn tại cả hai loại kháng nguyên A và B trên hồng cầu ?

A. Nhóm máu O.

B. Nhóm máu A.

C. Nhóm máu B.

D. Nhóm máu AB

Câu 23. Người mang nhóm máu AB có thể truyền máu cho người mang nhóm máu nào mà không xảy ra sự kết dính hồng cầu?

A. Nhóm máu O.

B. Nhóm máu AB.

C. Nhóm máu A.

D. Nhóm máu B

Câu 24. Mẹ có nhóm máu B, đứa con thứ nhất có nhóm máu A, đứa con thứ hai có nhóm máu B, đứa con thứ ba có nhóm máu O, đứa con thứ tư có nhóm máu AB. Người mẹ có thể truyền máu cho:

A. con thứ nhất và thứ hai

B. con thứ hai và thứ ba

C. con thứ hai và thứ tư.

D. con thứ ba và thứ tư.

Câu 25: Ở cơ thể người, cơ quan nào dưới đây nằm trong khoang ngực?

A. Phổi

B. Bóng đái

C. Dạ dày

D. Thận

Câu 26: Trong hệ thống “hàng rào” phòng chống bệnh tật của con người, nếu vi khuẩn, virus thoát khỏi sự thực bào thì ngay sau đó, chúng sẽ phải đối diện với hoạt động bảo vệ của

A. bạch cầu limphô B.

B. bạch cầu limphô T.

- C. bạch cầu trung tính.
- D. bạch cầu ưa kiềm.

Câu 27: Thanh quản là một bộ phận của

- A. hệ tiêu hóa.
- B. hệ sinh dục.
- C. hệ bài tiết.
- D. hệ hô hấp.

Câu 28: Một cung phản xạ được xây dựng từ bao nhiêu yếu tố ?

- A. 4 yếu tố
- B. 3 yếu tố
- C. 6 yếu tố
- D. 5 yếu tố

Câu 29: Khi nói về mô, nhận định nào dưới đây là đúng ?

- A. Gồm những tế bào có cấu tạo giống nhau và đảm nhiệm chức năng giống nhau.
- B. Gồm những tế bào có cấu tạo giống nhau hoàn toàn nhưng thực hiện các chức năng khác nhau.
- C. Chưa biệt hóa về cấu tạo và chức năng nên không thực hiện chức năng gì.
- D. Các tế bào trong một mô không phân bố tập trung mà nằm rải rác khắp cơ thể

Câu 30: Cảm ứng là gì?

- A. Là khả năng tiếp nhận và xử lý thông tin bằng cách phát sinh xung thần kinh.
- B. Là khả năng phân tích thông tin và trả lời các kích thích bằng cách phát sinh xung thần kinh.
- C. Là khả năng tiếp nhận và phản ứng lại các kích thích bằng cách phát sinh xung thần kinh.
- D. Là khả năng làm phát sinh xung thần kinh và dẫn truyền chúng tới trung khu phân tích.

Câu 31: Trong máu, huyết tương chiếm tỉ lệ bao nhiêu về thể tích?

- A. 75%
- B. 55%
- C. 65%
- D. 45%

Câu 32: Hiện tượng mỗi cơ có liên quan mật thiết đến sự sản sinh loại axit hữu cơ nào?

- A. Axit acrylic
- B. Axit malic
- C. Axit axêtic
- D. Axit lactic

Câu 33: Cơ có hai tính chất cơ bản, đó là

- A. co và dẫn.
- B. gấp và duỗi.
- C. phòng và xẹp.
- D. kéo và đẩy.

Câu 34: Hệ cơ quan nào dưới đây phân bố ở hầu hết mọi nơi trong cơ thể người?

- A. Hệ bài tiết
- B. Hệ hô hấp
- C. Hệ tiêu hóa
- D. Hệ tuần hoàn

Câu 35: Tế bào limphô T có khả năng tiết ra chất nào dưới đây?

- A. Kháng sinh
- B. Prôtêin độc
- C. Kháng thể
- D. Kháng nguyên

Câu 36: Loại khớp nào dưới đây không có khả năng cử động?

- A. Khớp giữa xương đùi và xương cẳng chân
- B. Khớp giữa các xương hộp sọ
- C. Khớp giữa các đốt ngón tay
- D. Khớp giữa các đốt sống

Câu 37: Căn cứ vào đâu để người ta phân chia các nơron thành 3 loại : nơron hướng tâm, nơron trung gian và nơron li tâm?

- A. Chức năng
- B. Hình thái
- C. Cấu tạo
- D. Tuổi thọ

Câu 38: Đại thực bào là do loại bạch cầu nào phát triển thành?

- A. Bạch cầu ưa kiềm
- B. Bạch cầu limphô
- C. Bạch cầu mônô
- D. Bạch cầu trung tính

Câu 39: Hiện tượng các tế bào bạch cầu được sinh ra nhưng không thực hiện được chức năng giúp cơ thể làm các “hàng rào” bảo vệ cũng không chết đi, chiếm nhiều vị trí của hồng cầu và tiểu cầu dẫn đến những biểu hiện ban đầu của người bệnh là xanh xao do thiếu hồng cầu và máu khó đông do thiếu tiểu cầu là bệnh

- A. máu trắng
- B. hồng cầu hình lưỡi liềm
- C. máu khó đông
- D. nhiễm trùng máu

Câu 40: Cơ sẽ bị đuối tối đa trong trường hợp nào dưới đây?

- A. Xơ cơ
- B. Mỏi cơ
- C. Liệt cơ
- D. Viêm cơ

II. TỰ LUẬN:

Câu 1. Khả năng co cơ phụ thuộc vào những yếu tố nào? Nguyên nhân của sự mỏi cơ.

Câu 2. Phản xạ là gì? Hãy lấy 4 ví dụ về phản xạ.

Câu 3. Quan sát trong lớp em có bạn nào ngồi không đúng tư thế, ngồi như vậy có ảnh hưởng gì? Vì sao học sinh cần ngồi đúng tư thế, đặc biệt là trẻ mẫu giáo?

Câu 4. Khi gặp người bị tai nạn gãy xương cần thực hiện sơ cứu như thế nào ?

Môn: NGỮ VĂN

I. PHẦN VĂN:

- HS cần nắm vững các kiến thức như: Tên tác giả, tên tác phẩm, thể loại, phương thức biểu đạt, nội dung, nghệ thuật của những văn bản truyện và kí đã học.

1. Truyện kí Việt Nam:

- Tôi đi học
- Trong lòng mẹ
- Tức nước vỡ bờ
- Lão Hạc

2. Truyện nước ngoài:

- Cô bé bán diêm
- Chiếc lá cuối cùng

II. PHẦN TIẾNG VIỆT :

1. Trường từ vựng: Là tập hợp của những từ có ít nhất một nét chung về nghĩa.

VD: Y phục: quần áo, giày dép, mũ nón...

2. Từ tượng hình-Từ tượng thanh:

- Từ tượng hình: là từ gợi tả hình ảnh, dáng vẻ, trạng thái của sự vật
- Từ tượng thanh: là từ mô phỏng âm thanh của tự nhiên, của con người.

3. Từ địa phương và biệt ngữ xã hội:

- Từ địa phương: là từ ngữ chỉ sử dụng ở một hoặc một số địa phương nhất định
- Biệt ngữ xã hội: chỉ được dùng trong một tầng lớp xã hội nhất định.

4. Trợ từ: Là những từ chuyên đi kèm một từ ngữ trong câu để nhấn mạnh hoặc biểu thị thái độ đánh giá sự vật, sự việc được nói đến ở từ ngữ đó.

VD: những, có, chính, đích, ngay...

5. Thán từ: Là những từ dùng để bộc lộ tình cảm, cảm xúc của người nói hoặc dùng để gọi đáp. Thán từ gồm có hai loại chính:

-Thán từ bộc lộ tình cảm, cảm xúc: **a, ái, ơ, ôi, ô hay, than ôi, trời ơi...**

-Thán từ gọi đáp: **này, vâng, dạ, ừ...**

6. Tình thái từ:

Là những từ được thêm vào câu để tạo câu nghi vấn, câu cầu khiến, câu cảm thán, và để biểu thị các sắc thái tình cảm của người nói.

Tình thái từ gồm một số loại đáng chú ý:

- Tình thái từ nghi vấn
- Tình thái từ cầu khiến
- Tình thái từ cảm thán
- Tình thái từ biểu thị sắc thái tình cảm.

III. PHÂN TẬP LÀM VĂN:

1. Ôn tập viết đoạn văn nghị luận xã hội

*** Các cách viết**

- *Diễn dịch:* Câu chủ đề nằm đầu đoạn.
- *Quy nạp:* Câu chủ đề nằm cuối đoạn
- *Tổng- phân- hợp :* Câu chủ đề nằm đầu đoạn và câu chốt (tương đương câu CD) nằm ở cuối đoạn.

***Thực hành viết đoạn văn:**

- Từ VB “Trong lòng mẹ” hãy nêu suy nghĩ của em về **tình mẫu tử**
- Suy nghĩ của em về tình bạn đẹp.....

2. Ôn tập văn tự sự:

- Kể lại kỉ niệm về ngày đầu tiên đi học
- Người ấy(bạn, thầy, người thân...) sống mãi trong tôi
- Kể lại ngày lễ khai giảng đầy xúc động
- Kể lại một kỉ niệm đáng nhớ đối với một con vật nuôi mà em yêu thích.
- Kể lại một lần mắc khuyết điểm khiến thầy, cô giáo buồn.
- Kể lại một việc làm khiến cha mẹ vui lòng.

- Dàn ý chung

+Mở bài: Thường giới thiệu sự việc, nhân vật và tình huống xảy ra câu chuyện. (Cũng có khi nêu kết quả của sự việc , số phận nhân vật trước)

+Thân bài:

-Kể lại diễn biến câu chuyện theo một trình tự nhất định

(Trả lời các câu hỏi: Câu chuyện đã diễn ra ở đâu? Khi nào? Với ai? Như thế nào?)

-Trong khi kể , người viết thường kết hợp miêu tả sự việc , con người và thể hiện tình cảm , thái độ của mình trước sự việc và con người được miêu tả.

+Kết bài:

Thường nêu kết cục và cảm nghĩ của người trong cuộc (người kể chuyện hay nhân vật nào đó)

MỘT SỐ ĐỀ ĐỌC HIỂU THAM KHẢO

ĐỀ 1:

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

“ Hằng năm cứ vào cuối thu, lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc, lòng tôi lại nao nức những kỉ niệm mơn man của buổi tựu trường.

Tôi quên thế nào được những cảm giác trong sáng ấy nảy nở trong lòng tôi như mấy cành hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng”...

Câu 1. (1 điểm) Đoạn trích trên thuộc văn bản nào đã học? Cho biết tác giả của đoạn trích đó là ai? Văn bản thuộc thể loại gì ? Chủ đề của văn bản đó là gì?

Câu 2: (1 điểm) Hãy tìm những **từ láy** được sử dụng trong đoạn văn trên? **Biện pháp tu từ** nào cũng được sử dụng trong đoạn trích?

Câu 3: (2 điểm)Viết một đoạn văn ngắn (từ 5 đến 7 câu) kể về **kỉ niệm trong ngày khai trường** đầu tiên của em có sử dụng ít nhất là một từ tượng hình, một từ tượng thanh và gạch chân.

Đề 2:

Cho đoạn văn sau:

“Em thật là một con bé hư, chị Xiu thân yêu”, Giôn –xi nói” Có một cái gì đấy đã làm cho chiếc lá cuối cùng vẫn còn đó để cho em thấy rằng mình đã như thế nào. Muốn chết là một tội. Giờ thì chị có thể cho em xin tí cháo và chút sữa pha ít rượu vang đỏ và – khoan – đưa cho em chiếc gương tay trước đã, rồi xếp mấy chiếc gối lại quanh em ,để em ngồi dậy xem chị nấu nướng”. Một tiếng đồng hồ sau cô nói: “Chị Xiu thân yêu ơi, một ngày nào đó em hy vọng sẽ được về vịnh Na-plo”

1.Đoạn văn trên được trích từ văn bản nào ? Của ai? Phương thức biểu đạt nào được sử dụng trong đoạn văn? Nội dung khái quát của đoạn văn trên là gì?

2.Từ nội dung của đoạn văn trên, em hãy viết một đoạn văn (10 đến 12 câu) nêu suy nghĩ của em về một tình bạn đẹp .

Đề 3:

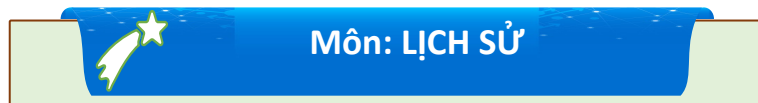
Cho đoạn văn sau:

“Chao ơi! Đối với những người ở quanh ta, nếu ta không cố tìm mà hiểu họ, thì ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ố ... toàn những cớ để cho ta tàn nhẫn; không bao giờ ta thấy họ là những người đáng thương; không bao giờ ta thương ... Vợ tôi không ác nhưng thị khó quá rồi. Một người đau chân có khi nào quên được cái chân đau của mình để nghĩ đến một cái gì khác đâu? Cái bản tính tốt của người ta bị những nỗi lo lắng, buồn đau, ích kỉ che lấp mất.”

(Ngữ văn 8- Tập1- NXB Giáo dục)

Câu 1. Đoạn văn trên trích trong tác phẩm nào? Của ai? Tác phẩm được ra đời trong thời gian nào? Những suy nghĩ trong đoạn văn trên là của nhân vật nào? Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn trên là gì? Nêu nội dung chính của đoạn văn?

Câu 2.Từ nội dung của đoạn văn trên, em có suy nghĩ gì về cách nhìn nhận, đánh giá con người trong xã hội hiện nay?



Tự luận:

Câu 1: Những nguyên nhân nào dẫn tới cuộc cách mạng tư sản Pháp?

Câu 2:Nêu kết quả của cuộc cách mạng công nghiệp Anh?

Câu 3: Tuyên ngôn cộng sản ra đời trong hoàn cảnh nào? Nội dung chủ yếu của nó?

Câu 4: Vì sao nói công xã Pa ri là nhà nước kiểu mới ?

Trắc nghiệm.

* Khoanh tròn vào chữ cái đầu câu em cho là đúng

Câu 1 : Kết quả nổi bật của Cách mạng tư sản Anh là

- A . lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế, mở đường cho CNTB phát triển mạnh mẽ .
- B . vẫn duy trì mọi đặc quyền của thế lực phong kiến, đời sống nông dân không được cải thiện.
- C . nền cộng hoà dân chủ được thiết lập ở Anh.
- D . thế lực giai cấp TS được củng cố, quyền lợi của nhân dân lao động được đảm bảo.

Câu 2: Sự kiện mở đầu cho thắng lợi cách mạng tư sản Pháp

- A . hội nghị ba đảng cấp tại cung điện Vécxây
- B . phái lập hiến bị lật đổ
- C . cuộc tấn công pháo đài nhà tù Baxti
- D . thiết lập nền chuyên chính dân chủ cách mạng Giacôbanh

Câu 3 : Từ nửa sau thế kỉ XVIII ở Anh đã diễn ra:

- A. cách mạng tư sản
- B. cách mạng công nghiệp
- C. cách mạng khoa học kĩ thuật
- D. cách mạng vô sản

Câu 4: Ở Anh máy móc được sử dụng đầu tiên là trong ngành

- A. khai mỏ
- B. luyện kim
- C. dệt
- D. đóng tàu

Câu 5: Người hoàn thành việc phát minh ra máy hơi nước là:

- A. Giêm-ha-ri-vơ
- B. Ét-mon-các-rai
- C. Ác-rai-tơ
- D. Giêm –Oát

Câu 6: Nền sản xuất TBCN, với sự hình thành hai giai cấp mới đó là:

- A. tư sản và tiểu tư sản
- B. tư sản và công nhân
- C. tư sản và vô sản
- D. tư sản và nông dân

Câu 7: Nguyên nhân chủ yếu làm bùng nổ các cuộc cách mạng tư sản

- A . mâu thuẫn giữa nông dân với phong kiến
- B . mâu thuẫn giữa nông dân với tư sản
- C . mâu thuẫn giữa chế độ phong kiến với giai cấp tư sản và các tầng lớp nhân dân lao động
- D . mâu thuẫn giữa tư sản và vô sản

Câu 8: Thực chất cách mạng công nghiệp là

- A . chuyển trọng tâm sản xuất nông thôn lên thành thị
- B . xây dựng các trung tâm công nghiệp lớn thay thế các xưởng sản xuất nhỏ
- C . sự thay thế nền sản xuất nhỏ bằng thủ công sang sản xuất lớn bằng máy móc
- D . đưa nền kinh tế đất nước phát triển mạnh

Câu 9: Cách mạng tư sản Anh diễn ra dưới hình thức:

- A. giải phóng dân tộc
- B. nội chiến
- C. cải cách
- D. cải cách và nội chiến

Câu 10: Tính chất lạc hậu của nền nông nghiệp Pháp thể hiện cơ bản ở :

- A. công cụ và phương pháp canh tác thô sơ, lạc hậu
- B. chủ yếu dùng cày và cuộc nên năng suất thấp
- C. ruộng đất bị bỏ hoang
- D. mất mùa đói kém xảy ra thường xuyên

Câu 11 : Dấu ấn cuộc cách mạng công nghiệp ở Anh trong năm 1784 là:

- A. cuộc cách mạng công nghiệp hoàn thành ở Anh
- B. Giêm-ha-ri-vơ sáng chế máy kéo sợi Gien-ni
- C. Giêm-Oát hoàn thành việc phát minh ra máy hơi nước
- D. nước Anh trở thành công xưởng của thế giới

Câu 12 : Cuộc chiến tranh Pháp –Phổ nổ ra vào:

- A. năm 1870
- B. năm 1871
- C. năm 1872
- D. năm 1873

Câu 13 : Cuối thế kỉ XIX nền công nghiệp Anh so với thế giới chiếm vị trí:

- A. thứ 2
- B. thứ 3
- C. thứ 4
- D. thứ 4

Câu 14 : Từ sau 1871, công nghiệp Pháp đứng sau các nước:

- A. Mĩ, Đức, Anh
- B. Mĩ ,Nga, Trung Quốc
- C. Đức, Nga,Mĩ
- D. Nga, Pháp, Hà Lan

Câu 15: Từ nửa sau thế kỉ XVIII ở Anh đã diễn ra:

- A. cách mạng tư sản

- B. cách mạng công nghiệp
- C. cách mạng khoa học kĩ thuật
- D. cách mạng văn học nghệ thuật

Câu 16: Đầu thế kỉ XVIII nhà bác học Niuton (Anh) tìm ra :

- A. thuyết vạn vật hấp dẫn
- B. định luật bảo toàn vật chất và năng lượng
- C. thuyết tiến hoá và di truyền
- D. khám phá đời sống của các mô động vật

Câu 17: Pháp tuyên chiến với Phổ nhằm mục đích:

- A. mở rộng lãnh thổ của Pháp
- B. làm chậm quá trình thống nhất nước Đức
- C. giảm nhẹ mâu thuẫn trong nước, ngăn quá trình thống nhất nước Đức
- D. đánh bại lực lượng hùng mạnh hiếu chiến của Phổ

Câu 18: Ngày 26-3-1871 ở Pháp xảy ra sự kiện:

- A. Quốc dân đánh chiếm các trụ sở của chính phủ lâm thời
- B. công xã ban bố sắc lệnh phục vụ quyền lợi cho nhân dân
- C. tổ chức bầu cử hội đồng công xã
- D. hội đồng công xã ra mắt trước nhân dân

Câu 19: Chủ nghĩa đế quốc Đức được mệnh danh là:

- A. Chủ nghĩa đế quốc cho vay lãi
- B. Chủ nghĩa đế quốc thực dân
- C. Chủ nghĩa đế quốc quân phiệt hiếu chiến
- D. Chủ nghĩa đế quốc bành trướng

Câu 20. Tiền đề để nước Anh tiến hành cách mạng công nghiệp là :

- A. tư bản, nhân công và sự phát triển kĩ thuật
- B. vốn, công nhân làm thuê và thuộc địa
- C. tư bản, công nhân và thị trường
- D. tư bản, công nhân, nô lệ và thị trường

Môn: ĐỊA LÝ

Câu 1 : Hãy trình bày đặc điểm vị trí địa lí, kích thước của lãnh thổ châu Á và ý nghĩa của chúng đối với khí hậu.

Câu 2: Hãy trình bày đặc điểm địa hình của châu Á.

Câu 3 : Nêu đặc điểm khí hậu châu Á. Trình bày sự phân hoá khí hậu châu Á. Giải thích nguyên nhân sự phân hóa khí hậu châu Á.

Câu 4: Nêu đặc điểm các kiểu khí gió mùa và khí hậu lục địa ở châu Á?

Câu 5: Nêu đặc điểm sông ngòi của châu Á. Dựa vào H1.2 SGK, kể tên các con sông lớn , thuộc 6 khu vực của châu Á.

Câu 6 : Dựa vào H3.1 SGK, trình bày sự phân hoá các cảnh quan tự nhiên của châu Á. Giải thích tại sao có sự thay đổi đó.

Câu 7: Trình bày sự phân bố các chủng tộc của châu Á. So sánh thành phần chủng tộc của châu Á so với châu Âu.

Câu 8: Nêu sự phân bố dân cư châu Á. Giải thích sự phân bố đó.

Câu 9 : Trình bày đặc điểm phát triển KT –XH của các nước và lãnh thổ châu Á hiện nay.

Câu 10: Trình bày những thuận lợi và khó khăn của thiên nhiên châu Á.

Môn: TIẾNG ANH

I. Choose the word whose underlined part is pronounced differently from that of the others

- Question 1:** A. adore B. world C. worker D. word
Question 2: A. beach B. peach C. watch D. chemistry
Question 3: A. cultural B. communicate C. music D. student
Question 4: A. leisure B. furniture C. feature D. nurture
Question 5: A. mind B. fire C. kit D. socialize
Question 6: A. weird B. relax C. netlingo D. detest
Question 7: A. craft B. game C. communicate D. bracelet
Question 8: A. centre B. detest C. leisure D. relax
Question 9: A. addicted B. adore C. satisfied D. virtual
Question 10: A. socialize B. window C. netlingo D. communicate
Question 11: A. hooked B. addicted C. watched D. shopped
Question 12: A. watching B. relax C. satisfied D. cultural
Question 13: A. leisure B. detest C. sociable D. spend
Question 14: A. craft B. addicted C. centre D. cook
Question 15: A. netlingo B. satisfied C. window D. virtual

II. VOCABULARY & GRAMMAR

- Question 1:** He adores _____ out with his friends at weekends.
 A. hang B. hanging C. to hang D. hangs
Question 2: My brother is addicted _____ playing beach games. A. on B. of C. to D. at
Question 3: We need a craft _____ to do some DIYs. A. kit B. street C. bracelet D. leisure
Question 4: What is your favorite _____ activity? A. cultural B. leisure C. hooked D. addicted
Question 5: Anna wants to _____ the team so much. A. join B. hang C. detest D. relax
Question 6: I don't mind window _____ if you like. A. shop B. shopping C. to shop D. shopped
Question 7: The young use _____ to socialize on the internet. A. netlingo B. activity C. event D. centre
Question 8: People watching is right _____ my street. A. down B. up C. to D. of
Question 9: I detest _____ with weird people.
 A. communicating B. relaxing C. joining D. minding
Question 10: Are you _____ on making bracelets?
 A. hooked B. hanged C. addicted D. adored
Question 11: Will your parents be _____ with your school results?
 A. relaxed B. joined C. satisfied D. detested
Question 12: What do you often _____ at leisure time? A. go B. do C. get D. have
Question 13: Do you think friendship on the internet is _____?
 A. satisfied B. cultural C. virtual D. addicted
Question 14: Have you ever attended a _____ event in your neighborhood?
 A. leisure B. relaxing C. cultural D. craft
Question 15: How many people are there in the community _____?
 A. center B. area C. window D. leisure
16. He did the test I did.
 A. as bad as B. badder than C. more badly than D. worse than
17. My bedroom is room in my house.
 A. tidier than B. the tidiest C. the most tidy D. more tidier
18. He drives his brother.
 A. more careful than B. more carefully C. more carefully than D. as careful as
19. It was day of the year.

- A. the colder B. the coldest C. coldest D. colder.
20. My grandparents love _very much. There are a lot of beautiful flowers and fresh vegetables in their garden
A. doing garden B. doing gardening C. do gardening D. to do garden
21. I preferblue T-shirt in the corner to red one. A. the/the B. the/a C. a/the D. the/x
22. Their car does 160 miles hour. A. a B. an C. the D. x
23. Where's gift I sent you last week? A. x B. an C. a D. the
24. Do you still live in England? A. the B. an C. x D. a
25. Coco's father works as electrician. A. a B. an C. the D. x
26. Ben was sick. He has terrible cold. A. a B. an C. the D. x
27. What do you usually have for..... breakfast? A. the B. a C. an D. x
28.ethnic group has a larger population, the Tay or the Ede?
A. What B. Why C. Which D. Who
29. The Viet (or Kinh) have number of people, accounting for about 86% of the population.
A. large B. the large C. the largest D. larger
30. He is surprised that there are 54 ethnic groups in our country.
A. to understand B. to study C. to know D. find

III. Rewrite the following sentences so that the meaning stays the same. Use the right comparative forms.

1. Mr Lam drives more carefully than Mr Tan. (carefully)
Mr Tan.....
2. The Tiger team performed more successfully than the Lion team. (successfully)
The Lion team performed
3. A businessperson travels more expensive than a tourist. (cheaply)
A tourist travels.....
4. No one works harder than Barbara. => Barbara.....
5. Travelling by air is much more expensive than travelling by train.
Travelling by train.....
6. Her old house is bigger than her new one. -> Her new house.....
7. No one in my class is taller than Peter. -> Peter
8. The black dress is more expensive than the white one. -> The white dress

IV. Make questions for underlined words.

1. That Khmer man is feeding a buffalo. =>
2. There'll be a Yao's traditional festival next Sunday. =>
3. Each of Thai families owns a stilt house. =>
4. David likes Hmong people because they're friendly. =>
5. Tay people live mostly in the north of Vietnam. =>
6. They're hunting now. =>

V. Choose the word whose main stressed syllable is different from the rest. Circle A, B, C or D.

1. A. minority B. tradition C. ancestor D. nomadic
2. A. account B. culture C. common D. leisure
3. A. costume B. adore C. collect D. appliance

- | | | | |
|----------------|-------------|---------------|--------------|
| 4. A. project | B. relax | C. transport | D. ethnic |
| 5. A. language | B. highland | C. convenient | D. recognize |

VI. Choose the best answers.

- Viet Nam is a country with 54 ethnic groups. A. bilingual /B. ethnic/C. diversified / D. multi-cultural
- Among the, the Kinh have the largest population.
A. ethnic minorities B. ethnic groups C. ethnic cultures D. majorities
- My sister and I often have my parents the buffalo when we come back home from school.
A. herd B. herds C. herding D. herded
- My father sometimes goes in the forests. He'd like to find some more food for our family.
A. hunt B. hunting C. to hunt D. hunted
- My mother enjoys traditional food for our family, especially at Tet holiday.
A. cook B. to cook C. cooking D. cooked
- A man inpolice uniform came across the street. A. the B. an C. a D. x
- Tom passes the exam! It is such.....good news. A. x B. an C. a D. the
- Anna:is this book?
Jerry: It's mine. A. Who B. Whose C. When D. That
- Can you speak a little? I can't hear it clearly.
A. more clearer B. more clear C. slowlier D. more slowly
- He doesn't mind the window for his father. A.to open B. opened C. opening D. open
- Tom's good at studying. ...addition, he's a good child at home. A. In B. On C. At D. With
- They live alife. A. abnormally B. normally C. nomad D. nomadic
- There are 54.in Viet Nam. A. personalities B. persons C. people D. peoples
- Which armchair would you sitin, this one or that one?
A. comfortable B. more comfortably C. easier D. more exciting
-of those pictures do you like? A. What B. Whose C. Which D. How

VII. Choose the underlined word or phrase, A, B, C or D that needs correcting.

- Although the island has no clean water and electric, it attracts lots of tourists.
A B C D
- The bee can easy sting anyone coming close to their beehives.
A B C D
- I love farm work, such as digging holes, sowing seeds and I pick fruit.
A B C D
- She is boring with the silent surrounding because she used to live in a big city.
A B C D
- Life in the countryside is much peaceful and the life is also slower.
A B C D
- Nomadic children learn riding a horse when they are very small.
A B C D

VIII. Write sentences using prompts.

- I/ not/ fancy/ eat/ noodles.
.....
- My dad/ detest/ watch/ Korean films.
- My mum/ adore/ ride/ her bike to work.....
- I/ enjoy/ talk/ to my friends in my free time.....

IX. Read the following passage and choose the option (A, B, C or D) that best answers each of the questions below.

With the habit of working in teams and being helpful to one other, villagers usually earn their living from farming, raising livestock and making handicrafts. They live in a small community with a temple or a communal cultural house where great events, such as festivals worshipping the village god and traditional games are organized. Villagers in the Southern usually live in houses lined up along central road and built on stilts to keep above flood waters. Along the coastal lines, fishermen depend on the sea as a means of livelihood. In the Central of Vietnam, a place suffering lots of natural disasters all the year round, citizens tend to be more *studious* and hard-working than those in regions with favourable conditions. People in the central highlands and the northern mountains live by growing rice, rubber trees coffee and tea as well as hunting.

(Source: Adapted from Vietnam Travel Center)

23. Which can be the topic of the passage?
A. Villagers across the country B. Villagers around the world
C. Vietnamese life in the countryside D. Vietnamese life in the city
24. Which activity is NOT MENTIONED as a way for villagers to earn their livings?
A. Farming B. Fishing C. Studying D. Hunting
25. Why do Southern villagers need to build their houses on stilt?
A. To protect the house from being attacked by wild animals
B. To protect the house from being flooded
C. To protect the house from earthquakes
D. To protect the house from evil things
26. Which sentence is NOT TRUE according to the passage?
A. There are many disasters in the Central of Vietnam
B. Houses in the Southern part of Vietnam often
C. People in the Northern Mountainous earn their livings by hunting
D. Villagers often work individually
27. Which explanation has the closest meaning to the word “studious” in the passage?
A. spending a lot of time studying B. lacking academic knowledge
C. being lazy in studying D. being very intelligent



BÀI 1: TÔN TRỌNG LỄ PHẢI

1. Lễ phải, tôn trọng lễ phải

- Lễ phải: là những điều đúng đắn phù hợp với đạo lý và lợi ích của xã hội.
- Tôn trọng lễ phải:
 - + bảo vệ, công nhận, tuân theo và ủng hộ những điều đúng đắn,
 - + biết điều chỉnh hành vi của mình theo hướng tích cực,
 - + không chấp nhận và không làm những điều sai trái ...

2. Biểu hiện

- chấp hành tốt nội quy nơi sống làm việc và học tập

3. Ý nghĩa.

- Tôn trọng lễ phải giúp con người có cách cư xử phù hợp.
- Lam lành mạnh mối quan hệ xã hội, thúc đẩy xã hội phát triển.

BÀI 2: LIÊM KHIẾT

1) Khái niệm:

Liêm khiết là một phẩm chất đạo đức của con người thể hiện lối sống trong sạch, không hám danh không bận tâm toan tính nhỏ nhen ích kỷ

2) Ý nghĩa:

Sống Liêm khiết sẽ làm cho con người thanh thản, nhận được sự quý trọng tin cậy của mọi người .

3) Rèn luyện như thế nào?

- Rèn luyện bản thân sống liêm khiết.
- Làm giàu bằng chính sức lao động của mình
- Không tham ô, tham nhũng, háms danh lợi.

BÀI 3: TÔN TRỌNG NGƯỜI KHÁC

1. Khái niệm:

- Tôn trọng người khác là sự đánh giá đúng mức, coi trọng danh dự phẩm giá và lợi ích của người khác.
- Thể hiện lối sống có văn hoá với mọi người..

2. Ý nghĩa

- Tôn trọng người khác mới nhận được sự tôn trọng của người khác đối với mình.
- Mọi người tôn trọng nhau thì xã hội trở nên lành mạnh, trong sáng và tốt đẹp hơn.

3. Cách rèn luyện:

- Tôn trọng người khác mọi lúc, mọi nơi.
- Thể hiện cử chỉ, hành động và lời nói tôn trọng người khác.

BÀI 4: GIỮ CHỮ TÍN

1. Giữ chữ tín.

- Coi trọng lòng tin của người khác đối với mình, biết trọng lời hứa và biết tin tưởng nhau.

2. ý nghĩa của việc giữ chữ tín.

- Được mọi người tin cậy, tín nhiệm, tin yêu. Giúp mọi người đoàn kết và hợp tác.

3. Cách rèn luyện .

- Làm tốt nghĩa vụ của mình
- Hoàn thành nhiệm vụ
- Giữ lời hứa, đúng hẹn
- Giữ lòng tin

BÀI 6: XÂY DỰNG TÌNH BẠN TRONG SÁNG VÀ LÀNH MẠNH

1. Khái niệm: Tình bạn là tình cảm gắn bó giữa hai hay nhiều người trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng hợp nhau về sở thích, tính tình, mục đích, lí tưởng .

→ Đồng ý với ý kiến 1, 2, 3, 5 vì tình bạn là phải thông cảm chia sẻ tôn trọng tin cậy chân thành, quan tâm giúp đỡ nhau, trung thực, nhân ái, vị tha.

→ Không đồng ý với ý kiến 4

Đặc điểm về tình bạn trong sáng lành mạnh (SGK)

2. ý nghĩa:

- Cảm thấy ấm áp tự tin yêu cuộc sống hơn.
- Biết tự hoàn thiện để sống tốt hơn.

BÀI 8: TÔN TRỌNG VÀ HỌC HỎI CÁC DÂN TỘC KHÁC

1. Tôn trọng và học hỏi các dân tộc khác.

- Là tôn trọng chủ quyền, lợi ích
- Luôn tìm hiểu và tiếp thu

2. Ý nghĩa

- Tạo điều kiện cho đất nước ta phát triển nhanh
- Góp phần xđựng nền vhoá nhân loại tiến bộ văn minh

3. Chúng ta cần làm.

- Tích cực tìm hiểu, học tập dân tộc khác
- Tiếp thu có chọn lọc, phù hợp với đk kiện, hoàn cảnh.

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM:

Câu 1. Trong bản vẽ kỹ thuật có bao nhiêu loại hình chiếu?

- A. Hai loại
- B. Ba loại
- C. Bốn loại
- D. Năm loại

Câu 2. Vai trò của bản vẽ kỹ thuật trong đời sống là gì?

- A. Giúp con người sử dụng có hiệu quả và an toàn các thiết bị máy móc.
- B. Góp phần vào nền khoa học công nghệ hiện đại ngày nay.
- C. Chỉ giúp việc thi công dễ dàng hơn.
- D. Không có vai trò gì đặc biệt.

Câu 3. Hình chiếu của vật thể là

- A. phần thấy của vật đối với mặt phẳng bản vẽ.
- B. phần thấy của vật đối với người quan sát.
- C. phần thấy của vật đối với mặt phẳng hình chiếu
- D. phần phía sau vật thể.

Câu 4. Hình hộp chữ nhật được bao bởi những hình gì?

- A. Hình tam giác.
- B. Hình đa giác phẳng.
- C. Hình chữ nhật.
- D. Hình bình hành.

Câu 5. Hình chiếu bằng có hướng chiếu từ đâu tới?

- A. Trước tới.
- B. Trên xuống.
- C. Trái sang.
- D. Phải sang.

Câu 6. Hình chiếu trên mặt phẳng song song với trục quay của hình trụ là hình gì?

- A. Hình bình hành.
- B. Hình thang cân.
- C. Hình tam giác cân.
- D. Hình chữ nhật.

Câu 7. Công dụng của bản vẽ chi tiết là

- A. chế tạo và lắp ráp.
- B. thiết kế, thi công và sử dụng.
- C. thiết kế và sửa chữa.
- D. chế tạo và kiểm tra.

Câu 8. Nếu mặt đáy của hình chóp đều có đáy vuông song song với mặt phẳng chiếu cạnh thì hình chiếu cạnh là hình gì?

- A. Hình chữ nhật.
- B. Hình tròn.
- C. Hình tam giác.
- D. Hình vuông.

Câu 9. Trong bản vẽ kỹ thuật có ghi tỷ lệ 1: 100 nghĩa là

- A. kích thước trong bản vẽ nhỏ hơn kích thước ngoài 100 lần.
- C. bản vẽ phóng to so với vật thật.
- B. kích thước trong bản vẽ lớn hơn kích thước ngoài 100 lần.
- D. bản vẽ thu nhỏ so với vật thật.

Câu 10. Trong các phát biểu sau, phát biểu nào về khối tròn xoay là không đúng?

- A. Khi quay nửa hình tròn một vòng quanh đường kính cố định, ta được hình cầu.
- B. Khi quay hình chữ nhật một vòng quanh một cạnh cố định, ta được hình trụ.
- C. Khi quay hình tam giác vuông một vòng quanh một góc vuông cố định, ta được hình nón.
- D. Khi quay nửa hình tròn một vòng quanh đường kính cố định, ta được hình tròn.

Câu 11. Kim tự tháp là một khối đa diện thuộc hình

- A. hình hộp chữ nhật.
- B. hình nón cụt.
- C. hình lăng trụ đều.
- D. hình chóp đều.

Câu 12. Phép chiếu vuông góc có đặc điểm

- A. Các tia chiếu đồng quy tại một điểm.
- B. Các tia chiếu đi xuyên qua vật thể.
- C. Các tia chiếu song song với nhau.
- D. Các tia chiếu vuông góc với mặt phẳng hình chiếu.

Câu 13. Hình cắt là

- A. hình biểu diễn phần vật thể ở phía trước mặt phẳng cắt.

- B. hình biểu diễn phần vật thể ở phía sau mặt phẳng cắt.
 C. hình biểu diễn phần vật thể ở phía trên mặt phẳng cắt.
 D. hình biểu diễn phần vật thể ở phía bên phải mặt phẳng cắt.
- Câu 14. Khối tròn xoay là
 A. đai ốc 6 cạnh. B. quả bóng đá.
 C. hộp phấn. D. bao diêm.
- Câu 15. Trên bản vẽ kỹ thuật thường dùng hình cắt để
 A. sử dụng thuận tiện bản vẽ.
 B. tăng tính thẩm mỹ.
 C. biểu diễn hình dạng bên trong của vật thể.
 D. biểu diễn hình dạng bên ngoài của vật thể.
- Câu 16. Bản vẽ chi tiết bao gồm những nội dung gì?
 A. Hình biểu diễn
 B. Kích thước và khung tên
 C. Yêu cầu kỹ thuật
 D. Bao gồm hình biểu diễn, kích thước, khung tên và yêu cầu kỹ thuật
- Câu 17. Hình biểu diễn thu được trên mặt phẳng chiếu bằng là?
 A. Hình chiếu bằng B. Hình chiếu đứng
 C. Hình chiếu cạnh D. Hình chiếu đứng, hình chiếu cạnh, hình chiếu bằng
- Câu 18. Hình chiếu đứng thuộc mặt phẳng chiếu nào? Và có hướng chiếu như thế nào?
 A. Mặt phẳng chiếu đứng, từ trái qua B. Mặt phẳng chiếu đứng, từ sau tới
 C. Mặt phẳng chiếu đứng, từ trước tới D. Mặt phẳng chiếu đứng, từ trên xuống
- Câu 19. Hình chiếu đứng của hình hộp chữ nhật có hình dạng:
 A. Hình vuông C. Hình lăng trụ
 B. Hình tam giác D. Hình chữ nhật
- Câu 20. Hình cắt được dùng để biểu diễn:
 A. Hình dạng bên ngoài của vật thể C. Hình dạng bên trong và bên ngoài của vật thể
 B. Hình dạng bên trong của vật thể D. Một đáp án khác
- Câu 21. Vị trí các hình chiếu trên bản vẽ như thế nào là đúng:
 A. Hình chiếu bằng ở trên hình chiếu đứng, hình chiếu cạnh ở bên trái hình chiếu đứng
 B. Hình chiếu cạnh ở bên phải hình chiếu đứng, hình chiếu bằng ở bên trái hình chiếu đứng
 C. Hình chiếu đứng ở dưới hình chiếu bằng, hình chiếu cạnh ở bên phải hình chiếu bằng
 D. Hình chiếu bằng ở dưới hình chiếu đứng, hình chiếu cạnh ở bên phải hình chiếu đứng
- Câu 22. Trình tự đọc bản vẽ lắp là:
 A. Khung tên, hình biểu diễn, kích thước, bảng kê, phân tích chi tiết, tổng hợp
 B. Khung tên, hình biểu diễn, bảng kê, kích thước, phân tích chi tiết, tổng hợp
 C. Khung tên, bảng kê, hình biểu diễn, kích thước, phân tích chi tiết, tổng hợp
 D. Hình biểu diễn, kích thước, bảng kê, khung tên, phân tích chi tiết, tổng hợp
- Câu 23. Đường đỉnh ren trong bản vẽ ren được quy ước vẽ như thế nào?
 A. Vẽ bằng nét liền đậm C. Vẽ bằng nét đứt
 B. Vẽ bằng nét liền mảnh D. Vẽ bằng đường gạch gạch
- Câu 24. Hình biểu diễn quan trọng nhất của bản vẽ nhà là:
 A. Mặt đứng B. Mặt bằng C. Mặt cắt D. Cả 3 đáp án trên
- Câu 25. Khi xoay một hình tam giác vuông quanh một cạnh góc vuông, ta được khối:
 A. Hình cầu B. Hình lăng trụ C. Hình trụ D. Hình nón
- Câu 26. Nếu mặt đáy của hình chóp đều đáy là hình vuông song song với mặt phẳng chiếu cạnh thì hình chiếu cạnh của nó là:
 A. Hình vuông B. Hình tam giác cân
 C. Hình chữ nhật D. Hình tam giác đều
- Câu 27. Vật liệu kim loại đen gồm :
 A. Gang và đồng
 B. Thép và đồng
 C. Gang và thép
 D. Đồng và nhôm

Câu 28. Dụng cụ tháo, lắp gồm :

- A. Mỏ lết, cờ lê, tua vít.
- C. Mỏ lết, cờ lê, thước.

B. Cờ lê, tua vít, ke vuông.

D. Mỏ lết, búa, cờ lê.

Câu 29. Vật liệu kim loại màu gồm :

- A. Gang và đồng
- B. Thép và đồng
- C. Gang và thép
- D. Đồng và nhôm và hợp kim của chúng.

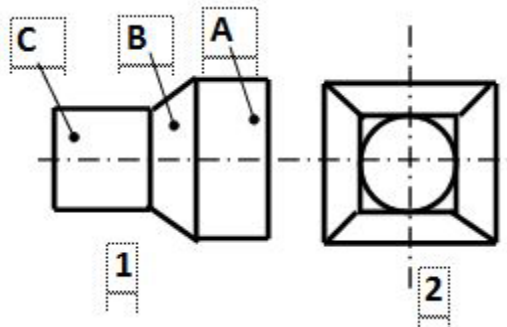
Câu 30. Tỷ lệ các bon trong vật liệu kim loại đen là bao nhiêu thì gọi là thép

- A. $\leq 2,14\%$
- B. $> 2,14\%$
- C. $< 21,4\%$
- D. $\geq 2,14\%$

II. PHẦN TỰ LUẬN

Câu 1. Hình nón được tạo thành như thế nào? Nếu đặt mặt đáy của hình nón song song với mặt phẳng chiếu cạnh thì hình chiếu đứng và hình chiếu cạnh có hình dạng gì?

Câu 2. Em hãy cho biết hình 1,2 là hình chiếu gì? Các khối A, B, C có hình dạng của khối nào?



Câu 3. Vẽ hình chiếu đứng, hình chiếu cạnh và hình chiếu bằng của vật thể đã cho. (Kích thước lấy theo hình đã cho)

